

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2024

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Cao Văn Q**, sinh năm 1988; CCCD số 049088016917, cấp ngày 08/9/2022; địa chỉ: **Thôn D, xã S, TP Đà Nẵng**.

- Bà **Phạm Thị Kim C**, sinh năm 1987; CCCD số 049187009467, cấp ngày 10/8/2021; địa chỉ: **Tổ F, phường H, TP Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Cao Văn Q** và bà **Phạm Thị Kim C** kết hôn năm 2015 tại **phường H, quận L, TP Đà Nẵng** cũ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống giữa ông **Q** và bà **C** phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Hiện nay không còn tình cảm, ông **Q** và bà **C** cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông **Cao Văn Q** và bà **Phạm Thị Kim C** xác nhận không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Cao Văn Q và bà Phạm Thị Kim C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Cao Văn Q và bà Phạm Thị Kim C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

2. Lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Cao Văn Q và bà Phạm Thị Kim C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Cao Văn Q và bà Phạm Thị Kim C đã nộp theo biên lai thu số 0003463 ngày 08 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Cao Văn Q và bà Phạm Thị Kim C đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV4-Đà Nẵng;
- UBND phường Hoà Khánh;
- (Số ĐKKH: 90, ngày 29/7/2015
tại UBND p.Hoà Khánh Nam cũ)
- Lưu HS, TH.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Loan